

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: GIÁO SƯ**
Mã hồ sơ:



Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒
Ngành: Hóa học; Chuyên ngành: Hóa phân tích, Hóa môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ TRƯỜNG GIANG
2. Ngày tháng năm sinh: 23/11/1975; Nam ☒ ; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán: xã An Đỗ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 30, TT4, Khu đô thị Thành phố Giao lưu, số 234 Phạm Văn Đồng, Phường Cổ Nhuế I, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
6. Địa chỉ liên hệ :Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội.
Điện thoại di động: 0948 109 977
E-mail: letruonggiang@vast.vn hoặc gianglt2000@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
07/1995 - 12/2012 trong đó:	Nghiên cứu viên tại Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
09/1995 - 12/1997	Học viên Cao học tại Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
10/2000 - 10/2003	Nghiên cứu sinh tại trường Đại học Poitiers, Cộng hòa Pháp
11/2003 - 04/2004	Thực tập sinh sau Tiến sỹ tại trường Đại học Poitiers, Cộng hòa Pháp
05/2004 - 05/2005	Thực tập sinh sau Tiến sỹ tại trường Đại học Marne la Vallée, Cộng hòa Pháp
06/2005 - 06/2006	Thực tập sinh sau Tiến sỹ tại Viện Nông học quốc gia Paris - Grignon, Cộng hòa Pháp
07/2006 - 09/2007	Nghiên cứu viên, Viện Hóa học, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

10/2007 - 08/2008	Thực tập sinh sau Tiến sỹ tại trường Đại học AgroParisTech, Cộng hòa Pháp
09/2008 - 06/2012	Nghiên cứu viên, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
07/2012 - 12/2012	Nghiên cứu viên, Phó trưởng phòng, phòng Khối phổ, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
01/2013 - 08/2014	Nghiên cứu viên chính, Phó Giám đốc, Trung tâm Đào tạo, Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam; kiêm nhiệm phụ trách phòng Hóa sinh Môi trường, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (01/2013 – nay).
08/2014 - 03/2016	Phó Giáo sư (11/2015), Nghiên cứu viên chính, Phó trưởng ban, kiêm nhiệm phụ trách phòng Hóa sinh Môi trường, Viện Hóa học, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
03/2016 - 01/2018	Phó Giáo sư, Nghiên cứu viên chính, Phó Trưởng ban, kiêm nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm trọng điểm nghiên cứu về Dioxin, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (08/2016 – nay)
01/2018 – 02/2019	Phó Giáo sư, Nghiên cứu viên cao cấp, Phó Trưởng ban, kiêm nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm trọng điểm nghiên cứu về Dioxin, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
03/2019 - nay	Phó Giáo sư, Nghiên cứu viên cao cấp, Trưởng ban, kiêm nhiệm Trưởng phòng thí nghiệm trọng điểm nghiên cứu về Dioxin, Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng ban, kiêm nhiệm Trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Địa chỉ cơ quan: số 18 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: (84) 024 37568422

Chức vụ hiện nay: Trưởng ban, kiêm nhiệm giảng viên thỉnh giảng tại Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (*theo quyết định số 574/QĐ-HVKHCN ngày 22/6/2017*).

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (*tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ*):

9. Trình độ đào tạo

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 07 năm 1995, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa Phân tích. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội – Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 07 tháng 12 năm 1998, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa phân tích. Nơi cấp bằng ThS: Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Được cấp bằng TS ngày 15 tháng 10 năm 2003, ngành: Hóa học, chuyên ngành: Hóa học và Sinh học nước. Nơi cấp bằng TS: Đại học Poitiers, Cộng hòa Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngành Hóa học theo quyết định bổ nhiệm số 491/QĐ/HVKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2015 và quyết định công nhận số 46/QĐ-HĐCDGSNN ngày 22/10/2015, kèm giấy chứng nhận số 3146/PGS ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS cơ sở: Ngành Hóa học, Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh GS tại HĐGS ngành, liên ngành: Hóa học và Công nghệ Thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các quá trình oxy hóa tiên tiến trong phân hủy các hợp chất hữu cơ và khử trùng nước. (Mô hình hóa cơ chế động học phản ứng, xác định sự hình thành các sản phẩm trung gian và sản phẩm phụ, quá trình chuyển hóa,...).
- Nghiên cứu phát triển các phương pháp xác định lượng vết các chất ô nhiễm hữu cơ trong môi trường và thực phẩm. (Xác định sự hình thành, sự tích lũy, định danh, định lượng các sản phẩm trung gian và sản phẩm cuối cùng trong các quá trình chuyển hóa và tác động của chúng đến môi trường và sức khỏe con người).
- Nghiên cứu ứng dụng các nguồn sinh khối thực vật trong phát triển các vật liệu mới thân thiện môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 NCS bảo vệ thành công luận án TS và được cấp bằng TS trong đó **hướng dẫn chính 03 NCS** và hướng dẫn phụ 02 NCS; hiện đang hướng dẫn 03 NCS trong đó **hướng dẫn chính 02 NCS** (01 NCS đã bảo vệ thành công cấp cơ sở) và hướng dẫn phụ 01 NCS
- Đã hướng dẫn 07 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Hoàn thành 15 đề tài, dự án, chương trình NCKH bao gồm: 13 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp cơ sở.
- Đang tham gia thực hiện: 05 đề tài cấp Bộ và 02 đề tài cấp cơ sở.
- Đã công bố 132 bài báo KH, trong đó **36 bài báo KH** trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Đã được chấp nhận đơn hợp lệ 02 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích.
- Số lượng sách đã xuất bản: 09 quyển và 02 chương sách, đều thuộc các nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Không.....

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.....

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (*tự đánh giá*).

Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, nhiệt tình truyền đạt kiến thức cho học trò trong quá trình giảng dạy, hướng dẫn khóa luận sinh viên,

luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và tham gia trực tiếp giảng dạy trên lớp đủ tiêu chuẩn, phẩm chất của giảng viên theo quy định.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên.

- Tổng số 12 năm.

(Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014 - 2015	3	1				135	135/128,8/190
Thời gian đào tạo sau khi được bổ nhiệm chức danh Phó giáo sư								
2	2015 - 2016	3	2					0/145,5/135
3	2016 - 2017	3	2					0/140/135
3 năm học cuối								
4	2017 - 2018	1	2				90	90/66,7/135
5	2018 - 2019	1	2				90	90/66,7/135
6	2019 - 2020	2	1				120	120/100/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số [64/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số [36/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 15/12/2010 và Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp, Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Cộng hòa Pháp, năm 2003, số bằng N⁰ POITIER 627584, ngày cấp 15/10/2003

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Pháp.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Poitiers, Cộng hòa Pháp (2003-2004 hướng dẫn sinh viên đại học và học viên cao học); Trường Đại học Marne la Vallee, Cộng hòa Pháp (2004-2005, tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh); Viện Nông học Quốc gia Paris-Grignon, Cộng hòa Pháp (2005-2006, hướng dẫn học viên cao học)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ

- Chứng chỉ tiếng Anh C do Viện Đại Học Mở, Hà Nội cấp năm 1995

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thanh Thảo	x			x	2015-2019	Học viện KH&CN	06/01/2020
2	Lê Thị Tú Anh	x		x		2014 - 2018	Viện Hóa học-Học viện KH&CN	27/5/2019
3	Quản Cẩm Thúy	x		x		2012-2017	Viện Hóa học-Học viện KH&CN	26/10/2018
4	Nguyễn Văn Kim	x			x	2013-2017	Viện Hóa học-Học viện KH&CN	05/7/2017
5	Trịnh Thu Hà	x		x		2014-2017	Viện Hóa học-Học viện KH&CN	28/02/2017
Danh sách nghiên cứu sinh chưa bảo vệ								
6	Nguyễn Thị Liễu	x		x		2016- nay	Học Viện KH&CN	Đã bảo vệ thành công cấp cơ sở (QĐ số 118/QĐ-HVKHCN ngày 06/03/2020)
7	Lê Thị Thanh Liễu	x			x	2016- nay	Học Viện KH&CN	Chưa bảo vệ
8	Hoàng Thị Tuệ Minh	x		x		2019- nay	Học Viện KH&CN	Chưa bảo vệ

Ghi chú: Ủy viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

(Tách thành 2 giai đoạn: Trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS)

Sách xuất bản sau khi được công nhận chức danh PGS:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Chapter: Recent Advances in the Utilization of Nannochloropsis Biomass for Commodity Chemicals, Feeds, High Value Products, Biofuels, Cosmetics, Fertilizers, and Materials production (Nannochloropsis)	CK	Nova Science Publishers, InC New York ISBN: 978-1-53612-844-4 2017	06		75-133	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 522/QĐ-HVKHCN ngày 24/6/2019

2	Độc chất trong thực phẩm và một số phương pháp định tính và định lượng	TK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-791-4 2018	02	CB	1-235	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 522/QĐ-HVKHCN ngày 24/6/2019
3	Giáo trình đại cương Phân tích thành phần thực phẩm	GT	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-745-7 2018	02		1-370	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 522/QĐ-HVKHCN ngày 24/6/2019
4	Chapter: Design Considerations of Microalgal Culture Ponds and Photobioreactors for Wastewater Treatment and Biomass Cogeneration (Microalgae Biotechnology for Development of Biofuel and Wastewater Treatment)	CK	Springer Nature Singapore Pte Ltd. ISBN: 978-981-13-2263-1 2019	04	CB	535-567	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 522/QĐ-HVKHCN ngày 24/6/2019
5	Đất trồng lúa - Rửa giải các chất ô nhiễm hữu cơ và kim loại nặng khi ngập lụt	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-891-1 2019	01	CB,MM	1-214	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 585/QĐ-HVKHCN ngày 04/6/2020
6	Mô hình Gains - Công cụ xây dựng chính sách phát triển kinh tế hài hòa với môi trường trong quản lý chất lượng không khí	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-963-5 2019	03		1-196	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 585/QĐ-HVKHCN ngày 04/6/2020
7	Giáo trình đại cương phân tích đặc tính và các chất độc trong thực phẩm	GT	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-913-845-4 2019	02		1-314	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 448/QĐ-HVKHCN ngày 12/5/2020
8	Phân tích thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9955-04-4 2020	02		1-488	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 585/QĐ-HVKHCN ngày 04/6/2020

9	Các phương pháp oxi hóa tiên tiến - Cơ sở khoa học và ứng dụng thực tiễn	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9955-17-4 2020	02	CB	1-580	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 585/QĐ-HVKHCN ngày 04/6/2020
10	Nguy cơ ô nhiễm môi trường của một số nhóm chất hữu cơ	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9955-00-6 2020	03		1-200	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 585/QĐ-HVKHCN ngày 04/6/2020
11	Các chất chống cháy - xuất hiện, tồn tại ở môi trường khí trong nhà	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ ISBN: 978-604-9955-26-6 2020	03	CB	1-174	Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam Số 711/QĐ-HVKHCN ngày 22/6/2020

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

- Trong đó, số lượng: 06 sách chuyên khảo (các số TT 5, 6, 8, 9, 10, 11) do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và 02 chương sách (các số TT 1 và 4) do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau khi được công nhận PGS, cụ thể như sau:

+ Số TT 1: Chapter: Recent Advances in the Utilization of Nannochloropsis Biomass for Commodity Chemicals, Feeds, High Value Products, Biofuels, Cosmetics, Fertilizers, and Materials Production. Dang-Thuan Tran, Thi Cam Van Do, Quang Trung Nguyen, [Truong Giang Le](#), Quang Tung Nguyen and Van Tuyen Nguyen. *Nannochloropsis*, Nova Science Publishers, InC New York, 2017, ISBN: 978-1-53612-844-4

+ Số TT 4: Chapter: Design Considerations of Microalgal Culture Ponds and Photobioreactors for Wastewater Treatment and Biomass Cogeneration. [Truong Giang Le \(CB\)](#), Dang Thuan Tran, Thi Cam Van Do, and Van Tuyen Nguyen. *Microalgae Biotechnology for Development of Biofuel and Wastewater Treatment*, Springer Nature Singapore Pte Ltd, 2019, ISBN: 978-981-13-2263-1

+ Số TT 5: Đất trồng lúa - Rửa giải các chất ô nhiễm hữu cơ và kim loại nặng khi ngập lụt. [Lê Trường Giang \(CB\)](#). Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019, ISBN: 978-604-913-891-1

+ Số TT 6: Mô hình Gains - Công cụ xây dựng chính sách phát triển kinh tế hài hòa với môi trường trong quản lý chất lượng không khí. Nguyễn Quang Trung, [Lê Trường Giang](#). Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2019, ISBN: 978-604-913-963-5

+ Số TT 8: Phân tích thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm. Nguyễn Quang Trung, [Lê Trường Giang](#). Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2020, ISBN: 978-604-9955-04-4

+ Số TT 9: Các phương pháp oxi hóa tiên tiến - Cơ sở khoa học và ứng dụng thực tiễn. [Lê Trường Giang \(CB\)](#), Đào Hải Yến. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2020, ISBN: 978-604-9955-17-4

+ Số TT 10: Nguy cơ ô nhiễm môi trường của một số nhóm chất hữu cơ. [Lê Trường Giang](#), Dương Thị Hạnh, Trịnh Thu Hà. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2020, ISBN: 978-604-9955-00-6

+ Số TT 11: Các chất chống cháy - xuất hiện, tồn tại ở môi trường khí trong nhà. [Lê Trường Giang \(CB\)](#), Dương Thị Hạnh, Trịnh Thu Hà. Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2020, ISBN: 978-604-9955-26-6.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

- **Các chữ viết tắt:** CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1. Các đề tài trước khi được công nhận chức danh PGS					
1	Mô hình hóa cơ chế động học phản ứng oxy hóa axit Formic bằng phương pháp Fenton	Tham gia	Đại học Poitiers Cấp Bộ	2003	2003 Đạt
2	Dự án Pháp - Việt về nghiên cứu môi trường nước sông Hà Nội: Tô Lịch và Nhuệ	Tham gia	Chương trình FSP ESPOIR, Pháp Cấp Bộ	2002-2004	2004 Đạt
3	Nghiên cứu khả năng oxy hóa các chất hữu cơ độc hại bằng phương pháp Electro-Fenton	Tham gia	Bộ Nghiên cứu Khoa học Pháp, Tập đoàn Điện lực Pháp Cấp Bộ	2004	2004 Đạt
4	Nghiên cứu xây dựng và tối ưu hóa phương pháp Electro-Fenton để xử lý nước thải công nghiệp ô nhiễm nặng	Tham gia	Tập đoàn Veolia Environment Cấp Bộ	2005	2005 Đạt
5	Nghiên cứu phân tích dạng, nhóm chức và cấu trúc các chất, hợp chất bằng phương pháp hóa lý và vật lý hiện đại	Tham gia	Bộ Khoa học và Công nghệ Cấp Bộ	2006-2008	2008 Đạt
6	Mô hình hóa cơ chế động học phản ứng của hệ O_3/OH ; O_3/H_2O_2 , ứng dụng vào quá trình oxy hóa vết các chất hữu cơ ô nhiễm trong nước	Chủ Nhiệm	Bộ Khoa học và Công nghệ Cấp Bộ	2006-2008	2008 Đạt
7	Mô hình hóa động học phản ứng điều chế H_2O_2 bằng phương pháp khử điện hóa oxy trong dung dịch	Tham gia	Tổ chức các nước nói tiếng Pháp – AUF Cấp Bộ	2007-2008	2008 Đạt
8	Chương trình đào tạo Tiến sỹ phối hợp Việt Nam - Pháp giữa Viện Hóa học và Hiệp hội nghiên cứu các trường Đại học - GRUTTEE, Pháp	Thư ký	Chương trình 322 của Bộ GD và ĐT Việt nam Cấp Bộ	2007-2011	2011 Đạt
9	Bước đầu thử nghiệm màng FO trong xử lý nước	Chủ Nhiệm	Đề tài cơ sở Trung tâm Đào tạo, Tư vấn và	2013	2013 Đạt

			Chuyển giao Công nghệ (VAST) Cấp cơ sở		
10	Nghiên cứu sản xuất chế phẩm xử lý nước (gói lọc nước) phục vụ đồng bào khi lũ lụt	Tham gia	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) Mã số: VAST.CT.02/13 Cấp Bộ	2013-2014	2014 Đạt
11	Ảnh hưởng của một số yếu tố tới hàm lượng Nitrat trong rau muống trồng bằng phương pháp thủy canh	Chủ Nhiệm	Đề tài cơ sở Trung tâm Đào tạo, Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ (VAST) Cấp cơ sở	2014	2014 Đạt

2. Các đề tài sau khi được công nhận chức danh PGS

12	Nghiên cứu ứng dụng màng thẩm thấu chuyển tiếp trong sản xuất nước sạch	Chủ Nhiệm	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) Cấp Bộ	2014-2016	2016 Đạt
13	Nghiên cứu công nghệ xử lý nước tiên tiến dành cho việc sản xuất nước sinh hoạt trong thời gian lũ lụt	Chủ Nhiệm	Bộ Ngoại giao Đan Mạch. Mã số: 10.P04.VIE Cấp Bộ	2012-2017	2017 Đạt
14	Hoạt tính của các gốc tự do $\text{CO}_3^{\cdot-}$ và $\text{Cl}_2^{\cdot-}$ trong dung dịch	Tham gia	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) Mã số: 104.06-2013.54 Cấp Bộ	2013-2019	2019 Đạt
15	Xác định dư lượng các chất kháng sinh tetracycline, oxytetracycline và chlortetracycline trong nước nuôi tôm bằng phương pháp UPLC-HRMS	Chủ nhiệm	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) Cấp Bộ	2019	2019 Đạt
16	Nghiên cứu cơ chế phản ứng với xúc tác hữu cơ bằng phương pháp phổ LC-MS/MS	Tham gia	Học Viện Khoa Học và Công Nghệ Mã số: GUST.STS.ĐT2017-HH10 Cấp cơ sở	2017-2020	Đang thực hiện
17	Nghiên cứu tận dụng chất dinh dưỡng trong nước thải đô thị nuôi vi tảo <i>Chlorella sp.</i> và ứng dụng sinh khối vi tảo thông qua chiết suất chất kích thích sinh trưởng và phân bón sinh học	Tham gia	Học viện Khoa học và Công nghệ Mã số: GUST.STS.ĐT2017-ST03 Cấp cơ sở	2017-2020	Đang thực hiện
18	Phân tích sàng lọc 947 chất hữu cơ trong đất ruộng bị ngập lụt và sự phân hủy của thuốc trừ sâu trong đất dưới ảnh hưởng của một số điều kiện môi trường	Tham gia	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) Mã số: 104.04-2017.3019 Cấp Bộ	2018-2021	Đang thực hiện
19	Cố định CO_2 dùng vi tảo để sản xuất vật liệu sinh học	Tham gia	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia	2018-2021	Đang thực hiện

			(NAFOSTED) Mã số: 104.99-2017.313 Cấp Bộ		
20	Nghiên cứu hiện trạng ô nhiễm của thuốc trừ sâu, dược phẩm và các sản phẩm chăm sóc sức khỏe và chất chống cháy trong môi trường không khí xung quanh tại khu vực đô thị của Việt nam.	Tham gia	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) Mã số: 104.01-2018.318 Cấp Bộ	2019-2021	Đang thực hiện
21	Xác định độc tố vi nấm aflatoxin (B1, B2, G1, G2) ở hạt điều bằng phương pháp UPLC-HRMS	Chủ Nhiệm	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST) Cấp Bộ	2020	Đang thực hiện
22	Tổng hợp hệ xúc tác có kích thước nanoplatinium và nikel hydroxide sử dụng điện cực kim cương Pt-Ni(OH) ₂ /BDD nghiên cứu phản ứng oxi hóa methanol	Tham gia	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) Mã số: 104.06-2016.42 Cấp Bộ	2017-2019	Đang thực hiện

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với UV chức danh GS

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Tập, số, trang	Năm công bố
I. Các bài báo khoa học, báo cáo khoa học trước khi được công nhận chức danh PGS							
1	Phân tích kim loại nặng trong lương thực, thực phẩm bằng phương pháp von ampe hòa tan trên điện cực màng thủy ngân	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		3(2), 21-24	1998
2	Phân tích đánh giá chất lượng nước thải và một số mô hình xử lý đã thực hiện thành công	7		Hội nghị môi trường toàn quốc		557-563	1998
3	Phân tích đánh giá chất lượng nước thải và phương pháp xử lý thích hợp	7		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		5(1), 24-30	2000
4	Vai trò của khoa học phân tích trong nghiên cứu tích lũy sinh học của kim loại nặng trong động-thực vật thủy sinh	10		Hội nghị Khoa học Phân tích Hóa, Lý và Sinh học Việt Nam lần thứ nhất		255-261	2000
5	A comparative study of the effects of chloride, sulfate and nitrate ions on	3		Chemosphere ISSN: 0045-6535	Tạp chí quốc tế SCIE,	55(5), 715-723	2004

	the rates of decomposition of H ₂ O ₂ and organic compounds by Fe(II)/H ₂ O ₂ and Fe(III)/H ₂ O ₂				IF: 2,706 Q1	doi:10.1016/j.chemosphere.2003.11.021	
6	Effects of chloride and sulfate on the rate of oxidation of ferrous ion by H ₂ O ₂	3	x	Water Research ISSN: 0043-1354	Tạp chí quốc tế SCIE, IF: 2,87 Q1	38 (9), 2383-2393 doi:10.1016/j.watres.2004.01.033	2004
7	Kinetics and modelling of the Fe(III)/H ₂ O ₂ system in the presence of sulphate in acidic aqueous solutions	2		Environmental Science & Technology ISSN: 0013-936X	Tạp chí quốc tế SCIE, IF: 4,10 Q1	39(6), 1811-1818 doi:10.1021/es0493648	2005
8	Effects of chloride ions on the iron (III) – catalyzed decomposition of hydrogen peroxide and on the efficiency of the Fenton-like oxidation process	2		Applied Catalysis B: Environmental ISSN: 0926-3373	Tạp chí quốc tế SCIE, IF: 4,01 Q1	66(1-2), 137-146 doi:10.1016/j.apcattb.2006.03.008	2006
9	Experimental and modeling approach for the comparison of Fenton and electro-Fenton processes – Preliminary results	2	x	Journal of Advanced Oxidation Technologies ISSN: 1203-8407	Tạp chí quốc tế SCI, IF: 0,82 Q3	9(1), 35-42 doi:10.1515/jaots-2006-0105	2006
10	Nghiên cứu xác định đồng thời Bismut (Bi) và Cadimi (Cd) bằng phương pháp von ampe hòa tan hấp phụ sử dụng resorcinol	3	x	Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		45(6A), 257-262	2007
11	Nghiên cứu xác định đồng thời hàm lượng hoạt động điện hóa vết đồng (Cu), Chì (Pb), Cadimi (Cd) và Kẽm (Zn) trong nước biển tự nhiên	7		Tạp chí Khoa Học và Công Nghệ ISSN: 0866 708X		45(3A), 20-26	2007
12	Nghiên cứu sự phân hủy nitrobenzene bằng các phương pháp oxy hóa tiên tiến	4	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		12(2), 54-58	2007
13	Investigation of decomposition of ozone in ultra pure water, kinetic modelling	2	x	12 th Asian Chemical Congress (12ACC), Putra World Trade Centre, Kuala Lumpur, Malaysia		229	2007
14	Investigation on electroanalytical chemical methods for trace mental speciation in natural seawater	8		Journal of Analytical Science ISSN: 0866-3244		13(4)	2008
15	Investigation of the Kinetic of the Electro-Fenton Process	1	x	International Scientific Conference on “Chemistry for		600-610	2008

				Development and Integration", Hanoi			
16	Modelling the Electro-Fenton Process: Application to its optimization and comparison with Fenton process	2		The 15th International Conference on Advanced Oxidation Technologies for Treatment of Water, Air and Soil (AOTs-15), Niagara Falls, New York (USA)		1-7	2009
17	Evaluation of COD/SS ratio in water at Tauhu-Bennghie-Kenhdoi-Kenhtebasin	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144		51(5A), 89-94	2013
18	Photooxidation of 4,4' DDT using HP, LP/H ₂ O, /TiO ₂	3	x	The 4 th International Workshop on Nanotechnology and Application		704-711	2013
19	Preliminary results on recovery of phosphorus by using crystallization process	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144		51(5A), 95-99	2013
20	Degradation of organic phosphorus pesticides in solar simulated reactor with nano TiO ₂ material	3	x	The 4 th International Workshop on Nanotechnology and Application		300-308	2013
21	Correlation between diffusion coefficient and tube sizes for benzene, toluene, xylene adsorbed in ambient air	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144		51(5A), 85-88	2013
22	Effect of Chloride and Sulfate Ions on the Photoreduction Rate of Ferric Ion in UV Reactor Equipped with a Low Pressure Mercury Lamp	5	x	Journal of Advanced Oxidation Technologies ISSN: 1203-8407	Tạp chí quốc tế SCI, IF: 1,09 Q3	17(2), 305-330 doi:10.1515/jaots-2014-0216	2014
23	Photoreduction rate of Iron(III) hydroroxo speccies effect of pH and inorganic ions	3	x	Proceedings of The first VAST-BAS Workshop on Science and Technology ISBN: 978-604-913-304-6		459-472	2014
24	Study the formation of active chlorine and chlorate, perchlorate during electrolysis using small chloride concentration by Adept electrochemical technology: the effect of organic solute	4		Proceedings of The first VAST-BAS Workshop on Science and Technology ISBN: 978-604-913-304-6		495-504	2014
25	Photocatalysis using TiO ₂ – based materials for oxidation of organic phosphorous pesticides in solar simulated reactor	2	x	Proceedings of The first VAST-BAS Workshop on Science and Technology		439-448	2014

				ISBN: 978-604-913-304-6			
26	Laboratory experiments on malachite green exposure in tilapia (<i>Oreochromis mossambicus</i>): Case study on toxic effect	2		Proceedings of The first VAST-BAS Workshop on Science and Technology ISBN: 978-604-913-304-6		573-580	2014
27	Photocatalytic degradation of Diclofenac in aqueous solution	4	x	Proceedings of The first VAST-BAS Workshop on Science and Technology ISBN: 978-604-913-304-6		449-458	2014
28	Tổng hợp vật liệu compozit g-C ₃ N ₄ /Ta ₂ O ₅ có hàm lượng g-C ₃ N ₄ khác nhau	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(6e1.2), 116-119	2015
29	Effects of SiO ₂ nanoparticles in Bt-transgenic plants	4		The proceedings of the 7 th VAST-AIST workshop “Research Collaboration: Review and Perspective” ISBN: 978-604-913-421-0		563-572	2015
30	Tổng hợp g-C ₃ N ₄ pha tạp oxi nhằm tăng cường hoạt tính xúc tác quang dưới ánh sáng khả kiến	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(4e1), 176-180	2015
31	Distribution of SiO ₂ nanoparticles in Bt-transgenic plants and potential risks to environment and human health	4		The proceedings of the 7 th VAST-AIST workshop “Research Collaboration: Review and Perspective” ISBN: 978-604-913-421-0		573-582	2015
32	Nghiên cứu tổng hợp và ứng dụng xúc tác quang của Graphitic cacbon nitrua	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(5e3), 133-137	2015
33	Tổng hợp và hoạt tính xúc tác quang của compozit g-C ₃ N ₄ /GaN-ZnO	6		Tạp chí Xúc tác và Hấp phụ ISSN: 0866-7411		4(N02), 51-55	2015
34	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân hủy thuốc kháng sinh sarafloxacin bằng quang hóa UV	6	x	Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		20(1), 1-6	2015
35	Hoạt tính xúc tác của phức Fe(III)NTA trong quá trình oxi hóa các hợp chất hữu cơ ở pH trung tính	3		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(3E12), 350-354	2015
36	Traceable determination of SiO ₂ nanoparticles in food matrices	3		The proceedings of the 7 th VAST-AIST workshop “Research		583-590	2015

				Collaboration: Review and Perspective” ISBN: 978-604-913-421-0			
37	Nghiên cứu ảnh hưởng tỉ lệ tiền chất đến quá trình tổng hợp dung dịch rắn GaN-ZnO	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(3E12), 223-227	2015
38	Fenobucarb and elements release from soils in paddy fields during flooding	4		The proceedings of the 7 th VAST-AIST workshop “Research Collaboration: Review and Perspective” ISBN: 978-604-913-421-0		519-534	2015
39	Nghiên cứu tổng hợp và đặc trưng dung dịch rắn GaN-ZnO	5		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		53(3E12), 70-74	2015
II. Các bài báo khoa học, báo cáo khoa học sau khi được công nhận chức danh PGS							
40	Preparation of g-C ₃ N ₄ /Ta ₂ O ₅ composites with enhanced visible - light photocatalytic activity	8		Journal of Electronic Materials ISSN/eISSN: 0361-5235/1543-186X	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,676 Q2	45 (5), 2334-2340 doi:10.1007/s11664-015-4280-9	2016
41	Effects of feed concentration on the ability of freshwater-filter using FO membrane in laboratory scale	4		Proceedings of scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10 years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the Russian foundation for basic research ISBN: 978-604-77-2226-6		233-239	2016
42	Ảnh hưởng của Cacbon hữu cơ hòa tan đến sự rửa giải các nguyên tố trong đất ruộng bị ngập	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(5), 591-596	2016
43	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ nung đến quá trình tổng hợp dung dịch rắn GaN-ZnO	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(5e1.2), 264-268	2016
44	Potential application of Forward Osmosis membrane in desalination.	3		Proceedings of Scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10 years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the		240-247	2016

				Russian foundation for basic research ISBN: 978-604-77- 2226-6			
45	Tổng hợp và hoạt tính xúc tác quang trong vùng khả kiến của vật liệu composit g-C ₃ N ₄ /Ta ₂ O ₅	7		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(5e1.2), 258-263	2016
46	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian nung đến quá trình tổng hợp dung dịch rắn GaN-ZnO	7		Tạp chí Xúc tác và hấp phụ ISSN: 0866-7411		5(N ⁰ 1), 130-135	2016
47	Study application techniques cloud point extraction and method atomic absorption spectrometry (AAS) determination trace amount of ion metal	5		Proceedings of scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10 years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the Russian foundation for basic research. ISBN: 978-604-77- 2226-6		519-525	2016
48	Phân tích đồng thời các chất ô nhiễm hữu cơ trong nước lũ lụt ở miền trung Việt Nam	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(3), 296-301	2016
49	Pesticides desorption from flooded rice soil	5		Proceedings of scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10 years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the Russian foundation for basic research. ISBN: 978-604-77- 2226-6		493-502	2016
50	Nghiên cứu động học phân hủy Ciprofloxacin bằng các phương pháp oxi hóa tiên tiến UV, UV/NaClO	3		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(6e2), 165-169	2016
51	Sự giải hấp thuốc trừ sâu từ đất ruộng bị ngập	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		54(1), 116-122	2016
52	Optimization of insecticide desorption from soil to water by dissolve organic carbon, surfactant and sodium	5		Proceedings of scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10		484-492	2016

	oxalate using response surface methodology			years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the Russian foundation for basic research. ISBN: 978-604-77-2226-6			
53	Tối ưu hóa điều kiện nhả hấp thụ của Fenobucarb từ đất vào nước dưới ảnh hưởng đồng thời của Các bon hữu cơ hòa tan, chất hoạt động bề mặt và Natri oxalat	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		21(2), 19-26	2016
54	Effect of dissolve organic carbon to elements release in flooded rice soil	5		Proceedings of scientific workshop on “Progress and trends in science and technology” Commemorating 10 years of partnership between the Vietnam academy of science and technology and the Russian foundation for basic research. ISBN: 978-604-77-2226-6		476-483	2016
55	Simultaneous effect of dissolved organic carbon, surfactant, and organic acid on the desorption of pesticides investigated by response surface methodology	6		Environmental Science and Pollution Research ISSN/eISSN: 0944-1344/1614-7499	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,95 Q2	24(23), 19338-19346 doi:10.1007/s11356-017-9431-5	2017
56	Screening of inorganic and organic contaminants in floodwater in paddy fields of Hue and Thanh Hoa in Vietnam	9		Environmental Science and Pollution Research ISSN/eISSN: 0944-1344/1614-7499	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,95 Q2	24(8), 7348-7358 doi:10.1007/s11356-017-8433-7	2017
57	The contribution of free radicals in paracetamol degradation by UV/NaClO	4	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 0866-7144		55(6), 720-723	2017
58	Nghiên cứu xác định lượng vết chì trong nước tự nhiên bằng phương pháp Von-ampe hòa tan sử dụng điện cực màng platin/glassy cacbon	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		55(3e12), 75-79	2017
59	Nghiên cứu ảnh hưởng của sóng siêu âm lên việc hình thành một vài hợp chất thiên nhiên từ vi khuẩn Streptomyces	8	x	Kỷ yếu hội thảo khoa học “Phương pháp phân tích và nhận dạng chất độc trong thực phẩm” ISBN: 978-604-913-586-6		72-79	2017

	Scabies (trên vỏ khoai tây bị nhiễm bệnh vảy nến)						
60	Study on Pre-Treatment of the Phenol, COD, Color in the coke wastewater by ozonation Process	3		Vietnam Journal of Science and Technology ISSN: 0866-708X		55(4C), 271-276	2017
61	Ảnh hưởng đồng thời của các bon hữu cơ hòa tan, chất hoạt động bề mặt và natri oxalate đến sự giải hấp thuốc trừ sâu	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		55(1), 24-30	2017
62	Sự phân bố và rủi ro phơi nhiễm phthalate từ không khí trong nhà tại Hà Nội, Việt Nam	9		Tạp chí Hóa học ISSN: 0866-7144		55(E1,2), 279-283	2017
63	Application of capillary elecctrophoresis with capacitevely coupled contacless conductivity detection for food control in Vietnam	5		Kỷ yếu hội thảo Khoa học "Phương pháp phân tích và nhận dạng chất độc trong thực phẩm ISBN: 978-604-913-586-6		152-160	2017
64	Advanced methodologies for detection and determination of heavy metals in food	5		Kỷ yếu hội thảo Khoa học "Phương pháp phân tích và nhận dạng chất độc trong thực phẩm ISBN: 978-604-913-586-6		1-13	2017
65	Pesticide and element release from a paddy soil in central Vietnam: Role of DOC and oxidation state during flooding	5		Geoderma ISSN/eISSN: 0016-7061/1872-6259	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 4,55 Q1	310, 209-217 doi:10.1016/j.geoderma.2017.09.025	2018
66	Novel FeMgO/CNT nano composite as efficient catalyst for phenol removal in ozonation process	7		Materials Research Express ISSN/eISSN: 2053-1591	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,41 Q2	5(9), 595-603 doi:10.1088/2053-591/aad670	2018
67	Degradation of paracetamol by an UV/Chlorine advanced oxidation process: Influencing Factors, Factorial Design, and Intermediates Indentification	5	x	International Journal of Environmental Research and Public Health ISSN: 1660-4601	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,62 Q2	15(12), 2637-2655 doi:10.3390/ijerph15122637	2018
68	Optimization of sample preparation for detection of 10 phthalates in non-alcoholic beverages in Northern Vietnam	6	x	Toxics ISSN: 2305-6304	Tạp chí quốc tế Scopus Cite score 2.84 Q1	6(4), 69-83 doi:10.3390/toxics6040069	2018
69	Simultaneous determination of 18 polycyclic aromatic hydrocarbons in daily foods (Hanoi metropolitan	6	x	Foods ISSN: 2304-8158	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 3,011 Q2	7(12), 201-217 doi:10.3390/foods7120201	2018

	area) by gas chromatography-tandem mass spectrometry						
70	Novel draw solutes of ion complexes easier recovery forward osmosis process	4		Journal of Water Reuse and Dessalination ISSN: 2220-1319 EISSN: 2408-9370	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,43 Q2	8(2), 244-250 doi:10.2166/wrd.2017.150	2018
71	Ứng dụng của LC-MS/MS và phần mềm Compound Discoverer 2.0 trong nghiên cứu sự chuyển hóa của Paracetamol trong nước bằng UV/NaClO	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(2), 23-28	2018
72	Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phân hủy paracetamol bằng các phương pháp oxi hóa tiên tiến UV, UV/NaClO	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(2), 15-22	2018
73	Synthesis, characterization and photocatalytic performance of TiO ₂ /grapheme photocatalysts synthesized by hydrothermal method	4		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 153-158	2018
74	Khảo sát sự xuất hiện và phân bố của một số chất ô nhiễm hữu cơ mới trong nước bề mặt của một số sông hồ ở Hà Nội	4		Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(2), 34-41	2018
75	Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện phản ứng tới quá trình tổng hợp diotadecyl cacbonat, định hướng ứng dụng làm vật liệu chuyển pha	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 2525-2321		56(6E1), 30-35	2018
76	Tổng hợp và phân tích cấu trúc một vài dẫn xuất mới của 1,4 - dihydropyridines	3	x	Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(2), 29-33	2018
77	Tổng hợp polyuretan từ dầu thầu dầu được biến tính bằng phản ứng chuyển este với glyxerol	4		Tạp chí Hóa học ISSN: 2525-2321		56(6E1), 24-29	2018
78	Đánh giá đặc tính nước thải phát sinh từ công đoạn dập cốc Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(1), 22-29	2018
79	Manufacture pencil-lead electrode modified with platinum nanoparticles applicable to analyse of the trace concentration of Pb(II)	4		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 124-129	2018

80	Tối ưu hóa quá trình phân tích Pb(II) trên điện cực PtNFs/GC sử dụng phương pháp đáp ứng bề mặt	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(4), 322-331	2018
81	Synthesis, characterization and photocatalytic performance of TiO ₂ /graphene photocatalysts synthesized by hydrothermal method	4		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 153-158	2018
82	Đặc tính von-ampe hòa tan của Pb(II) trên điện cực cacbon thủy tinh biến tính bởi platin nano dạng hạt	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(4), 241-247	2018
83	Valorization of microagale-derived mineral ash via composite fabrication with poly(vinyl alcohol)	3		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 220-225	2018
84	Intergrated system for domestic wastewater treatment: soil purification and anaerobic/aerobic biological processes	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 240-244	2018
85	Xây dựng các bước nghiên cứu cơ bản trong phân tích thuốc kích thích tăng trưởng trans-zeatin sử dụng thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao ghép nối khối phổ	6		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		23(4), 41-49	2018
86	Simultaneous determination of 18 polycyclic aromatic hydrocarbons in instant noodles by gas chromatography tandem mass spectrometry	6	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		56(4e), 68-73	2018
87	Platinum Nano Flower - Modified Electrode as a Sensitive sensor for simultaneous detection of lead and cadmium at trace levels	4	x	Journal of Chemistry, Hindawi ISSN: 2090-9063 (Print) ISSN: 2090-9071 (Online)	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,727 Q2	1-10 doi:10.1155/2019/6235479	2019
88	Fabrication of Nano Flower-shaped Platinum on glassy carbon electrode as a Sensitive sensor for Lead Electrochemical Analysis	4	x	Electroanalysis ISSN:1521-4109	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,691 Q2	31, 1-9 doi:10.1002/elan.201900021	2019
89	Symmetrical fatty Dialkyl Carbonates as Potential Green Phase Change Materials:	4		Russian Journal of General Chemistry ISSN/eISSN: 1070-3632/1608-3350	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 0,68	89(7), 1513-1518 doi:10.1134/S1070363219070223	2019

	Synthesis and Charactersation				Q3		
90	Adsorption mechanism of hexavalent chromium onto layered double hydroxides-based adsorbents: A systematic in-depth review	14		Journal of Hazardous Materials ISSN/eISSN: 0304-3894/1873-3336	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 7,995 Q1	373, 258-270 doi:10.1016/j.jhazmat.2019.03.018	2019
91	Target screening analysis of 970 semi-volatile organic compounds adsorbed on atmospheric particulate matter in Hanoi, Vietnam	8		Chemosphere ISSN/eISSN: 0045-6535/1879-1298	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 5,35 Q1	219, 784-795 doi:10.1016/j.chemosphere.2018.12.096	2019
92	Acrylamide in daily food in the metropolitan area of Hanoi, Vietnam	6	x	Food Additives and Contaminants: Part B ISSN/eISSN: 1939-3210/1939-3229	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,40 Q1	12, 1-8 doi:10.1080/19393210.2019.1576774	2019
93	Response Surface Analysis of Fenobucarb Removal by Electrochemically Generated Chlorine	4	x	Water ISSN 2073-4441	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,595 Q1	11, 899-913 doi:10.3390/w11050899	2019
94	An Initial Evaluation on the Adsorption of SO ₂ and NO ₂ over Porous Fe ₃ O ₄ Nanoparticles Synthesized by Facile Scalable Method	11		Journal of Chemistry, Hindawi ISSN/eISSN: 2090-9063/2090-9071	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,727 Q2	1-7 https://doi.org/10.1155/2019/9742826	2019
95	Synthesis of Magnesium Oxide Nanoplates and Their Application in Nitrogen Dioxide and Sulfur Dioxide Adsorption	11		Journal of Chemistry, Hindawi ISSN/eISSN: 2090-9063/2090-9071	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,727 Q2	1-9 doi:10.1155/2019/4376429	2019
96	Highly sensitive and rapid determination of sunset yellow in drinks using a low-cost carbon material-based electrochemical sensor	5		Analytical and Bioanalytical Chemistry ISSN/eISSN: 1618-2642/1618-2650	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 3,208 Q1	411, 7539-7549 doi:10.1007/s00216-019-02155-9	2019
97	Halogen-free flame-retardant flexible polyurethane for textile coating: Preparation and characterisation	5		Fire and Materials ISSN: 0308-0501, 1099-1018	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,340 Q1	1-14 doi:10.1002/fam.2799	2019
98	Giảm thiểu khí độc hại sinh ra trong hỏa hoạn thông qua tổng hợp vật liệu chống cháy trên cơ sở nhựa Polyuretan thân thiện môi trường	7		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(4A), 60-65	2019
99	Nghiên cứu ảnh hưởng của các phụ gia chống cháy lên quá trình phân hủy nhiệt phát thải sản	9		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(4A), 44-49	2019

	phẩm độc hại dạng khí của vật liệu Polyuretan						
100	Nghiên cứu và kiểm soát quy trình tách chiết chất màu thực phẩm phycocyanin từ tảo xoắn spirulina	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(1), 109-113	2019
101	Simultaneous determination of lead and cadmium in water samples using differential pulse anodic stripping voltammetry at platinum nanoflowers modified glassy electrode	4		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		57(3), 379-383	2019
102	Synthesis, characterization and photocatalytic performance of titanium dioxide on graphitic carbon nitride photocatalysts synthesized by hydrothermal method.	6		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		57(4e1,2), 415-420	2019
103	Nghiên cứu phân hủy phenol trong nước bằng ozon kết hợp với vật liệu composite FeMgO/CNT	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(4), 1-8	2019
104	Study on Phenol treatment by Catalytic Ozonization using Modified dolomite	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(3), 150-157	2019
105	Nghiên cứu động học xử lý Phenol trong nước bằng quá trình ozon hóa ở môi trường trung tính	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(3), 1-7	2019
106	Xác định đồng thời hàm lượng mười phthalate trong dầu thực vật bằng phương pháp sắc ký khí ghép nối hai lần khối phổ (GC-MS/MS)	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(2), 78-84	2019
107	Phát triển phương pháp phân tích Acrylamide trong trà thành phẩm tại Việt Nam và tối ưu hóa quá trình sao chè sử dụng phương pháp đáp ứng bề mặt	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(2), 111-116	2019
108	Determination of residual quantity of tetracycline antibiotics in shrimp pool water by UPLC–HRMS method	2	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		57(6), 758-764	2019
109	Nghiên cứu phương pháp xác định Auramine O trong thực phẩm bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao ghép nối đầu dò khối phổ	5		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(4), 170-176	2019

	phân giải cao (UPLC-HRMS)						
110	Chuyển tải tổng chất rắn lơ lửng và chất rắn hòa tan trong nước lụt trên ruộng lúa ở Thanh Hóa, miền trung Việt Nam	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		24(3), 130-136	2019
111	The amount and speciation of trace elements transported from rice field to canal during a flooding event	5	x	Vietnam Journal of Science and Technology ISSN: 2525-2518		57(5), 594-605	2019
112	Simultaneous effect of pH, deposition time, depositon potential, and step potential on the stripping peak current of lead, and cadmium by response surface methodology	6		Conference Proceedings, 6th Analytica Vietnam Conference 2019 ISBN: 978-604-67-1217-6		43-50	2019
113	Innovative spherical biochar for pharmaceutical removal from water: Insight into adsorption mechanisms	9		Journal of Hazardous Materials ISSN/eISSN: 0304-3894/1873-3336	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 7,650 Q1	1-45 doi:10.1016/j.jhazmat.2020.122255	2020
114	Simultaneous removal of pollutants and high value biomaterials production by <i>Chlorella variabilis</i> TH03 from domestic wastewater	4	x	Clean Technologies and Environmental Policy ISSN/eISSN: 1618-954X/1618-9558	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,270 Q2	1-15 doi:10.1007/s10098-020-01810-5	2020
115	Polyoxymethylene/silica/poly(lactic acid-grafted polyethylene glycol nanocomposites: structure, morphology, and mechanical properties and ozone and UV durability	10		RSC Advances ISSN/eISSN: 2046-2069	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 3,067 Q1	10, 2691-2702 doi:10.1039/c9ra05874e	2020
116	Auramine O in foods and spices determined by an UPLC-MS/MS method	4		Food Additives & Contaminants: Part B ISSN/eISSN: 1939-3210 /1939-3229	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2,419 Q1	1-6 doi:10.1080/19393210.2020.1742208	2020
117	Organocatalyzed synthesis and biological activity evaluation of hybrid compounds 4H-pyrano[2,3-b]pyridine derivatives	3		Synthetic Communications, ISSN: 0039-7911 (Print) 1532-2432 (Online)	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,439 Q3	1-9 doi:10.1080/00397911.2020.1757717	2020
118	Characterization of Endogenous Auxins and Gibberellins Produced by <i>Chlorella sorokiniana</i> TH01 Under Phototrophic and Mixtrophic	4		Journal of Chemistry, Hindawi ISSN/eISSN: 2090-9063/2090-9071	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,727 Q2	1-11 doi:10.1155/2020/4910621	2020

	Cultivation Modes Toward Applications in Microalgal Biorefinery and Crop Research						
119	Developing a mini biodiesel production line via sequential conversion to purification from <i>Scenedesmus acuminatus</i> S4 grown in domestic wastewater	9	x	Journal of Chemical Technology and Biotechnology ISSN:1097-4660	Tạp chí quốc tế SCI IF: 2,659 Q1	1-56 doi:10.1002/jctb.6402	2020
120	Factors Affecting Pollutants Removal and Biomass Production Capability of <i>Chlorellavariabilis</i> TH03 in Domestic Wastewater	6	x	Materials Science for Energy Technologies ISSN: 2589-2991	Tạp chí quốc tế ISSN: 2589-2991	3, 545-558 doi:10.1016/j.mset.2020.05.003	2020
121	Organocatalyzed regioselective and enantioselective synthesis of 1,4- and 1,2-dihydropyridines.	5	x	Synthetic Communications ISSN: 00397911, 1532-2432	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 1,439 Q3	doi:10.1080/00397911.2020.1778034	2020
122	Studying method of underivatized determination glyphosate, glufosinate and their metabolites in drinking water	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		58(1), 74-79	2020
123	Chế tạo hệ vi giồng để nuôi cấy khối u dạng 3D	2		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		25(1), 174-178	2020
124	Tối ưu hóa quy trình chiết tách chất chống cháy cơ photpho ở mẫu bụi trong nhà và phân tích trên sắc ký khí kết nối khối phổ (GC/EI-MS)	4		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		25(1), 191-196	2020
125	Tầm soát các hóa chất bảo vệ thực vật trong đất ruộng lúa bị ngập lụt ở miền trung Việt Nam	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		25(2), 191-197	2020
126	Rapid classification of rice in Northern Vietnam by using FTIR spectroscopy combined with chemometrics methods	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		58(3), 372-379	2020
127	Các chất ô nhiễm hữu cơ có nguồn gốc từ sinh hoạt gia đình trong đất ruộng lúa bị ngập lụt	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		25(1), 197-203	2020

128	Simultaneous effect of pH, deposition time, deposition potential, and step potential on the stripping peak current of copper on platinum nanoflowers modified glassy carbon electrode (PtNFs/GCE) using response surface methodology	4		Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		58(3), 302-308	2020
129	Polybrom diphenyl ete trong mẫu bụi nhà tại khu vực Hà Nội: phân tích và đánh giá	3		Tạp chí Phân tích Hóa, Lý và Sinh học ISSN: 0866-3244		25(2), 185-190	2020
130	Multivariate calibration combined differential pulse voltammetry for simultaneous electroanalytical determination of phenolic compounds using a Fe ₃ O ₄ modified carbon paste electrode	7		Journal of Solid State Electrochemistry ISSN:14328488, 14330768	Tạp chí quốc tế SCIE IF: 2.531 Q2	doi:10.1007/s10008-020-04731-x	2020
131	Identification of rice varieties specialties in Vietnam using Raman spectroscopy	3	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		Accepted	2020
132	Determination of aflatoxin toxins (B1, B2, G1, G2) in cashew nut by UHPLC–HRMS	2	x	Vietnam Journal of Chemistry ISSN: 2525-2321		Accepted	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS: là 10 bài, cụ thể như sau:

1. Dang Thuan Tran, Thuy Nguyen Ta, Thi Hong Nhung Do, Thi Mai Pham, Thi Bich Hoa Doan, Thi Huyen Thuong Mai, Thi Cam Van Do, [Truong Giang Le](#), Van Tuyen Nguyen (2020). Developing a mini biodiesel production line via sequential conversion to purification from *Scenedesmus acuminatus* S4 grown in domestic wastewater. *Journal of Chemical Technology and Biotechnology*; doi:10.1002/jctb.6402. (SCI-IF:2,659-Q1)
2. Yen Dao Hai, Thanh-Thien Tran-Lam, Trung Quang Nguyen, Nam Duc Vu, Kim Hoi Ma and [Giang Truong Le](#) (2019). Acrylamide in daily food in the metropolitan area of Hanoi, Vietnam. *Food Additives and Contaminants: Part B*, 12, 1-8; doi:10.1080/19393210.2019.1576774. (SCIE-IF:2,419-Q1)
3. [Giang Truong Le](#), Nguyen Thuy Ta, Trung Quoc Pham and Yen Hai Dao (2019). Response Surface Analysis of Fenobucarb Removal by Electrochemically Generated Chlorine. *Water*, 11: 899-913; doi: 10.3390/w11050899. (SCIE-IF:2,524-Q1)
4. Thanh-Thien Tran-Lam, Yen Hai Dao, Duong Thanh Nguyen, Hoi Kim Ma, Trung Quoc Pham and [Giang Truong Le](#) (2018). Optimization of sample preparation for detection of 10 phthalates in non-alcoholic beverages in Northern Vietnam. *Toxics*, 6(4): 69-83; doi:10.3390/toxics6040069. (SCIE-Scopus Cite score 2,84-Q1)
5. Thanh-Thien Tran-Lam, Yen Hai Dao, Lien Kim Thi Nguyen, Hoi Kim Ma, Hai Nguyen Tran and [Giang Truong Le](#) (2018). Simultaneous determination of 18 polycyclic aromatic hydrocarbons in daily foods (Hanoi metropolitan area) by gas chromatography-tandem mass spectrometry. *Foods*, 7(12): 201-217; doi:10.3390/foods7120201. (SCIE-IF:3,011-Q2)

6. Thi Lieu Nguyen, Van Hoang Cao, Thi Hai Yen Pham and [Le Truong Giang](#) (2019). Platinum Nano Flower - Modified Electrode as a Sensitive sensor for simultaneous detection of lead and cadmium at trace levels . *Journal of chemistry, Hindawi*, 1-10; doi:10.1155/2019/6235479. (SCIE-IF:3,011-Q2)
7. Thi Lieu Nguyen, Van Hoang Cao, Thi Hai Yen Pham and [Truong Giang Le](#) (2019). Fabrication of Nano Flower-shaped Platinum on glassy carbon electrode as a Sensitive sensor for Lead Electrochemical Analysis. *Electroanalysis*, 31: 1-9; doi:10.1002/elan.201900021. (SCIE-IF:2,691-Q2)
8. Yen Hai Dao, Hai Nguyen Tran, Thien Thanh Tran-Lam, Trung Quoc Pham and [Giang Truong Le](#) (2018). Degradation of paracetamol by an UV/Chlorine advanced oxidation process: Influencing Factors, Factorial Design, and Intermediates Identification. *International Journal of Environmental Research and Public Health*, 15(12): 2637-2655; doi:10.3390/ijerph15122637. (SCIE- IF:2,468-Q2)
9. Dang Thuan Tran, Thi Cam Van Do, Quang Trung Nguyễn, [Le Truong Giang](#) (2020). Simultaneous removal of pollutants and high value biomaterials production by *Chlorella variabilis* TH03 from domestic wastewater. *Clean Technologies and Environmental Policy*; doi:10.1007/s10098-020-01810-5. (SCIE-IF: 2,27-Q2)
10. [Truong-Giang-Le](#), Hoai-Thu Pham, James P. Martin, Isabelle Chataigner, Jean-Luc Renaud (2020). Organocatalyzed regioselective and enantioselective synthesis of 1,4- and 1,2-dihydropyridines. *Synthetic Communications LSYC*; doi:10.1080/00397911.2020.1778034. (SCIE-IF:1,439-Q3)

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

Các bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích sau khi được công nhận chức danh PGS:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1	Hệ xử lý nước lút (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số: 6753w/QĐ-SHTT)	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN	02/6/2020 (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ)	Tác giả chính	2
2	Quy trình sản xuất vải chống cháy gồm lớp phủ bằng nhựa polyuretan trên cơ sở dầu thầu dầu (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ số: 70348/QĐ-SHTT)	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN	23/08/2019 (Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ)	Đồng tác giả	4

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:.....

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/ tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/ Quốc tế	Số tác giả
...					

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế

- Tham gia xây dựng chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Hóa phân tích, Hóa vô cơ, Hóa lý thuyết và hóa lý tại Học Viện Khoa học và Công Nghệ.
- Tham gia xây dựng môn học Hóa học môi trường, Điện hóa học hiện đại, Phân tích các độc tố trong môi trường và thực phẩm, Các phương pháp điện hóa nâng cao, Các phương pháp phân tích hóa lý hiện đại, Các phương pháp phân tích phổ và sắc ký tại Khoa Hóa học, Học viện Khoa học và Công nghệ.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

a) Thời gian bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):.....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):.....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:.....

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Trường Giang